TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1811**/2026/DS-ST
Ngày: 06/05/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền;

2. Bà Kiều Thị Thanh Nguyên.

***Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Mai Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** bà Bùi Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1838/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2026/QĐXXST-DS ngày 09/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2026/QĐST-DS ngày 06/04/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H; Trụ sở: 54A N C T, phường L, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền: ông P T L, sinh năm 1998, CCCD số 052098015260 (Giấy ủy quyền số 11523/2025/GUQ-TGĐ12, ngày 07/10/2025 – ông P T L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2. 1. Ông N V T, sinh năm 1994, CCCD số 072094004182; Thường trú: tổ 12, ấp TĐ, xã TL, huyện C, tỉnh TN; Tạm trú: 99/5 N H D, phường T, thành phố H (vắng mặt).

2. 2. Bà V T S P, sinh năm 1996, CCCD số 034196008566; Thường trú: thôn P N, xã L, huyện Đ H, tỉnh T(nay là xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên); Tạm trú: 99/5 N H D, phường T, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh Tân Bình (sau đây viết tắt là MSB) và ông N V T, bà V T S P đã ký 03 (ba) hợp đồng tín dụng sau đây:

- Ngày 17/08/2022, MSB và ông N V T đã ký Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB có nội dung như sau:

+ Hạn mức thẻ tín dụng : 50,000,000 đồng;

+ Mục đích sử dụng : phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân;

+ Thời hạn sử dụng thẻ : 36 tháng;

+ Lãi suất trong hạn : 40%/năm; Lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi, được niêm yết công khai tại các điểm giao dịch và trên website của MSB (www.msb.com.vn);

+ Lãi suất quá hạn : 145% lãi suất chi tiêu trong hạn.

- Ngày 25/08/2022, MSB và ông N V T, bà V T S P đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758, có nội dung như sau:

+ Hạn mức thấu chi : 225,000,000 đồng;

+ Mục đích sử dụng : phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân;

+ Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày 24/08/2022 đến ngày 24/08/2023;

+ Lãi suất vay : 22%/năm;

+ Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn

- Ngày 25/08/2022, MSB và ông N V T, bà V T S P đã ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758, có nội dung như sau:

+ Hạn mức cho vay : 275,000,000 đồng;

+ Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày 24/08/2022;

+ Lãi suất vay : 22%/năm;

+ Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn;

Thực hiện hợp đồng:

- Ngày 17/08/2022, MSB đã cấp cho ông N V T 01 thẻ tín dụng MSB có hạn mức 50,000,000 đồng.

- Ngày 25/08/2022, MSB đã cấp hạn mức tín dụng cho ông N V T theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 số tiền là 225,000,000 đồng.

Ngày 10/03/2023, MSB đã giải ngân cho ông N V T theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022 kèm theo Giấy nhận nợ ngày 10/03/2023 số tiền là 275,000,000 đồng.

Từ khi giao kết hợp đồng, ông N V T và bà V T S P đã thanh toán cho MSB được 34,243,867 đồng, trong đó:

Hợp đồng tín dụng	**Gốc** (đồng)	**Lãi trong hạn** (đồng)	**Lãi quá hạn/Phí** (đồng)	**Tổng** (đồng)
Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022	3,539,761	1,233,892		4,773,653
HĐTD hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022		24,994,871		24,994,871
HĐTD hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022		4,475,343		4,475,343
Tổng	**3,539,761**	**30,704,106**		**34,243,867**

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N V T và bà V T S P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 06/05/2026, ông N V T và bà V T S P còn nợ MSB với tổng số tiền là 1,131,147,650 đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng	**Nợ gốc** (đồng)	**Nợ lãi** (đồng)	**Lãi quá hạn/Phí** (đồng)	**Tổng** (đồng)
Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022	46,307,914	9,984,651	77,050,063	133,342,628
HĐTD hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022	225,000,000	24,360,440	200,780,169	450,140,609
HĐTD hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022	275,000,000	15,083,562	257,580,851	547,664,413

Tổng	**546,307,914**	**49,428,653**	**535,411,083**	**1,131,147,650**

Nay MSB đề nghị Toà án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các yêu cầu đối với người bị kiện như sau:

1. Buộc ông N V T và bà V T S P phải trả cho Ngân hàng TMCP H tổng số tiền tính đến ngày 06/05/2026 là: 1,131,147,650 đồng, trong đó:

Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc (đồng)	Nợ lãi (đồng)	Lãi quá hạn/Phí (đồng)	Tổng (đồng)
Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022	46,307,914	9,984,651	77,050,063	133,342,628
Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM /RB/3475758 ngày 25/08/2022	225,000,000	24,360,440	200,780,169	450,140,609
Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022	275,000,000	15,083,562	257,580,851	547,664,413
Tổng	**546,307,914**	**49,428,653**	**535,411,083**	**1,131,147,650**

2. Kể từ ngày 07/05/2026, ông N V T và bà V T S P còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là ông N V T, bà V T S P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn ghi trong hợp đồng đã được xác minh xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt hợp lệ cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: ông N V T, bà V T S P có 03 (ba) khoản vay với Ngân hàng TMCP H và đều vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng/nguyên đơn) và ông N V T, bà V T S P (bị đơn) là tranh chấp dân sự phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký.

[1. 2] Ngân hàng TMCP H có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ông N V T, bà V T S P có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức

xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[1. 3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại các địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng, kết quả: ông N V T, bà V T S P có hộ khẩu thường trú nhưng không thực tế cư trú tại nơi đăng ký; Đương sự N V T, V T S P không thường trú, không tạm trú, không cư trú tại 99/5 N H D, phường T, thành phố H. Tuy nhiên, tại thời điểm hai bên ký hợp đồng, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú là 99/5 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 99/5 N H D, phường T, thành phố H). Như vậy, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ; địa chỉ 99/5 Nguyễn Hữu Dật, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 99/5 N H D, phường T, thành phố H) được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó Toà án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông P T L (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông N V T và bà V T S P vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Bị đơn là ông N V T, bà V T S P đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[3. 2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: ông N V T, bà V T S P có 03 (ba) khoản nợ với Ngân hàng TMCP H theo: Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022.

[3. 3] Căn cứ các bản bản tóm tắt sao kê, thấy rằng, sau khi được cấp thẻ tín dụng và giải ngân các khoản vay, bị đơn đã thực hiện được một phần nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Sau đó, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn từ thời điểm vi phạm theo thỏa thuận giữa hai bên. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5. 1] Ngân hàng TMCP H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5. 2] Ông N V T, bà V T S P phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các điều 40, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H đối với ông N V T, bà V T S P liên quan đến Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022.

Ông N V T, bà V T S P phải trả cho Ngân hàng TMCP H tổng số tiền tính đến ngày 06/5/2026 là 1,131,147,650 (một tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng, gồm các khoản sau đây:

1. 1. Khoản nợ của Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022 là: 133,342,628 (một trăm ba mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi tám) đồng, gồm: nợ gốc 46,307,914 (bốn mươi sáu triệu, ba trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm mười bốn) đồng; lãi trong hạn: 9,984,651 (chín triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi mốt) đồng; lãi quá hạn: 77,050,063 (bảy mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn, không trăm sáu mươi ba) đồng.

2. 2. Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022 là: 450,140,609 (bốn trăm năm mươi triệu, một trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm lẻ chín) đồng, gồm: nợ gốc 225,000,000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng; lãi trong hạn: 24,360,440 (hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi) đồng; lãi quá hạn: 200,780,169 (hai trăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, một trăm sáu mươi chín) đồng.

2. 3. Khoản nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022 là: 547,664,413 (năm trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm mười ba) đồng, gồm: nợ gốc 275,000,000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng; lãi trong hạn: 15,083,562 (mười lăm triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai) đồng; lãi quá hạn: 257,580,851 (hai trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn, tám trăm năm mươi mốt) đồng.

2. 4. Kể từ ngày 07/05/2026, ông N V T và bà V T S P còn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 17/08/2022, Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 00778/HĐTD/2022/HĐTCHM/RB/3475758 ngày 25/08/2022 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 02/2022/3475758 ngày 25/08/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí là 21,239,946 (hai mươi mốt triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm bốn

mươi sáu) đồng theo biên lai số 0037840 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. 2. Ông N V T, bà V T S P phải nộp 45,934,430 (bốn mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV9, Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên